TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: **62/2019**/HNGĐ-ST
Ngày **12/9/2019**
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

2. Ông **Đỗ Văn Điền**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị M** - sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**- sinh năm 1990 (vắng mặt lần 2 không lý do)

Địa chỉ: ấp T 1, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Đặng Thị M trình bày:**

Chị Đặng Thị M và anh Nguyễn Văn L được sự mai mối từ người cùng xóm, hai bên tự tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2014, có tổ cưới lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Trị, huyện T, tỉnh Kiên Giang vào ngày 27/10/2015.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do gia đình chồng quá khó khăn, anh L không bênh vực cho chị M, từ đó vợ chồng hay cự cãi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, anh L không có trách nhiệm với vợ con, chị M có khuyên can nhiều lần,

nhưng anh L không thay đổi, thấy tiếp tục chung sống với nhau không hạnh phúc nên chị M và anh L ly thân từ đầu tháng 6/2019 cho đến nay.

- Về con chung: có 01 người con tên Nguyễn Nhật A - sinh ngày 10/11/2015, hiện đang sống với chị M.

Nay tại Tòa án chị M yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị M yêu cầu được ly hôn với anh L.

- *Về con chung:* Chị M yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản, nữ trang và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ kiện tại bản tự khai ngày 17/7/2019, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 17/7/2019 bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:**

Anh L đồng ý với lời trình bày của chị M về ngày vợ chồng chung sống, có đăng ký kết hôn, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn, không có tài sản chung và không có nợ chung là đúng. Nhưng anh L không đồng ý ly hôn với chị M, anh L đồng ý giao con cho chị M nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh L vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Nguyễn Văn L.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh L chung sống với nhau được UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/10/2015, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị M là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị M cho rằng gia đình bên chồng khó khăn, anh L không bảo vệ chị, từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã với nhau và làm cho mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Tại phiên tòa chị M thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, chị Muội, anh L đã bỏ mặc nhau, hai bên đã ly thân từ đầu tháng 6/2019 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M, anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M được ly hôn với anh L.

[3] Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị M và anh L. Giao cho chị M tiếp tục nuôi người con tên Nguyễn Nhật A - sinh ngày 10/11/2015. Chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản, nữ trang và nợ chung: Chị M, anh L xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị M phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đặng Thị M tiếp tục nuôi người con tên Nguyễn Nhật A - sinh ngày 10/11/2015. Chị Đặng Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đặng Thị M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn L tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản, nữ trang, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Đặng Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003386 ngày 14/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THADS huyện T;*
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Thạnh Trị;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến